

V/v Mời quan tâm cung cấp báo giá, tiến độ cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty) gửi tới Quý các đơn vị quan tâm lời chào trân trọng và hợp tác.

Hiện nay, Công ty đang có nhu cầu mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với chủng loại, số lượng theo phụ lục chi tiết kèm theo.

Bằng văn bản này, Công ty xin thông báo và mời các đơn vị quan tâm cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục chi tiết kèm theo. Để phục vụ công việc, báo giá thể hiện rõ, đầy đủ các nội dung sau:

- Hiệu lực của báo giá.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa.
- Đơn giá và các chi phí liên quan đến việc giao hàng tại kho Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh (như thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển ...).
- Trong trường hợp model của hàng hóa tại Phụ lục chi tiết kèm theo đã ngừng sản xuất và thay thế bằng model tương đương hoặc tốt hơn. Đề nghị đơn vị cung cấp thông tin thay thế của Nhà sản xuất và báo giá theo model đã được thay thế.

Tài liệu báo giá xin gửi về Phòng KHVT – Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh – Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 02033.657539 - Fax: 02033.657540 hoặc qua Gmail: kehoachvattu.ndqn@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty (IT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Dũng

Phụ lục

(kèm theo Công văn số /NĐQN-KHVT ngày/...../2026)

BÁO GIÁ

.....,Ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Địa chỉ: Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Sau khi xem xét, Công ty..... xin gửi tới Quý khách hàng báo giá cung cấp vật tư, thiết bị theo bảng dưới đây:

Hiệu lực báo giá: ngày;

Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;

Tiến độ cung cấp: Trong vòng ngày kể từ ngày có xác nhận đặt hàng.

STT	Mã VT	Tên VT	Thông số Kỹ thuật	Túy mác nã	Nhà sx	Túy mác mã (Nhà thầu đề xuất trong trường hợp có model thay thế)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (trước VAT)	Thành tiền (trước VAT)	Mức VAT
1	59510212	Cụm ổ bi/vòng bi (Flanged ball bearing units)		UCF210	SKF Group		Vòng	8			
2	59590448	Cụm ổ bi/vòng bi (Flanged ball bearing units)		UCFC207	SKF Group		Bộ	8			
3	59510214	Cụm ổ bi/vòng bi (Flanged ball bearing units)		UCF214	SKF Group		Bộ	24			
4	50120206	Cụm ổ bi/vòng bi (Flanged		UCF206	SKF Group		Bộ	16			

		ball bearing units)									
5	50120213	Cụm ổ bi/vòng bi (Flanged ball bearing units)		UCF213	SKF Group		Bộ	120			
6	53284917	Dây xích (Transmission chains)		PHC 56B-1X10FT	SKF Group		Mét	20			
7	53284049	Dây xích (Transmission chains)		PHC 100-2X10FT	SKF Group		Bộ	1			
8	53284910	Dây xích (Transmission chains)		PHC 100-1X10FT	SKF Group		Mét	6			
9	51000001	Đĩa xích (ANSI roller chain sprockets)		PHS 100-1BH19	SKF Group		cái	2			
10	59895864	Đĩa xích (ANSI roller chain sprockets)		PHS 160-2C45	SKF Group		cái	2			
11	59510213	Gối đỡ		UCT209	SKF Group		cái	2			
12	53284545	Nhông xích		PHS 160-2BH17	SKF Group		cái	2			
13	56091073	Nhông xích		PHS 100-2BH11	SKF Group		cái	1			
14	59590376	Ổ đỡ (Split plummer block housings)		SNL528	SKF Group		cái	1			
15	37034758	Phốt	Kích thước:100X130X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
16	37031518	Phốt	Kích thước:150X180X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
17	37034560	Phốt	Kích thước:60X80X10	HMSA10RG	SKF Group		cái	12			
18	37033049	Phốt	Kích thước:45X62X8	HMSA10RG	SKF Group		cái	8			
19	48890016	Phốt	Kích thước:180X220X16	HSS4R	SKF Group		cái	2			

20	37034590	Phốt	Kích thước: 80x105x10	HMSA10 V	SKF Group		cái	4			
21	48865134	Phốt	Kích thước:60X82X12	HMSA10V	SKF Group		cái	3			
22	37034580	Phốt	Kích thước:80X110X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	1			
23	37034700	Phốt	Kích thước:170X200X16	HS8V	SKF Group		cái	4			
24	37034802	Phốt	Kích thước:150X180X15	HMSA10RG	SKF Group		cái	1			
25	37037661	Phốt	Kích thước: 220x250x15	HMSA10 V	SKF Group		cái	2			
26	37031513	Phốt	Kích thước: 105x130x12	HMSA10 V	SKF Group		cái	4			
27	49997742	Phốt	Kích thước:38X58X10	HMSA10RG	SKF Group		cái	8			
28	37031232	Phốt	Kích thước:12X32X7	HMSA10RG	SKF Group		cái	4			
29	37034784	Phốt	Kích thước:85X115X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
30	37036090	Phốt	Kích thước:60X90X10	HMSA10RG	SKF Group		cái	12			
31	37034600	Phốt	Kích thước:100X140X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	4			
32	37035204	Phốt	Kích thước:65X90X10	HMSA10RG	SKF Group		cái	17			
33	37031316	Phốt	Kích thước:130X160X15	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
34	37031822	Phốt	Kích thước:180X210X15	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
35	37034743	Phốt	Kích thước:140X170X15	HMSA10RG	SKF Group		cái	6			
36	37034814	Phốt	Kích thước: 120x160x12	HMSA10 V	SKF Group		cái	2			
37	37037512	Phốt	Kích thước:75X130X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	16			
38	37031215	Phốt	Kích thước:120X150X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	3			
39	37034468	Phốt	Kích thước:45X65X8	HMSA10RG	SKF Group		cái	14			

40	37034805	Phốt	Kích thước:110X140X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	2			
41	37035203	Phốt	Kích thước: 90x120x12	CRW1 V	SKF Group		cái	64			
42	37035207	Phốt	Kích thước:80X100X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	3			
43	37036551	Phốt	Kích thước:50X65X10	HMSA10 RG	SKF Group		cái	2			
44	37031212	Phốt	Kích thước:100X125X12	HMSA10RG	SKF Group		cái	8			
45	37034722	Phốt	Kích thước:35X56X10	HMSA10V	SKF Group		cái	2			
46	37025580	Phốt	Kích thước:55X80X10	HMSA10V	SKF Group		cái	4			
47	37034512	Phốt	Kích thước: 45x70x10	HMSA10 V	SKF Group		cái	4			
48	37034785	Phốt	Kích thước:85X115X12	HMSA10V	SKF Group		cái	4			
49	37034051	Phốt	Kích thước:40X52X7	HMSA10RG	SKF Group		cái	3			
50	37033228	Phốt chặn đầu hướng trục	Kích thước:280X320X20	HMSA10RG	SKF Group		cái	4			
51	50106206	Vòng bi cầu một dãy		6206-2Z	SKF Group		Vòng	36			
52	50106207	Vòng bi(bearing)		6207-2Z	SKF Group		Vòng	42			
53	50100234	Vòng bi(bearing)		NU324ECM	SKF Group		Vòng	2			
54	50386228	Vòng bi(bearing)		22228CC/W33	SKF Group		Vòng	16			
55	50396499	Vòng bi(bearing)		NU228ECM/C3	SKF Group		Vòng	2			
56	50101068	Vòng bi(bearing)		NU 1068 MA	SKF Group		Vòng	1			
57	50101310	Vòng bi(bearing)		NU 310 ECM	SKF Group		Vòng	4			
58	50106203	Vòng bi(bearing)		6203-2Z	SKF Group		Vòng	32			
59	50156212	Vòng		6212-2Z/C3	SKF Group		Vòng	11			

		bi(bearing)									
60	50232310	Vòng bi(bearing)		32310 B	SKF Group		Vòng	4			
61	50396224	Vòng bi(bearing)		6224	SKF Group		Vòng	1			
62	50396480	Vòng bi(bearing)		23024CC/W33	SKF Group		Vòng	4			
63	50106474	Vòng bi(bearing)		1211EKTN9+ H211	SKF Group		Vòng	16			
64	50390319	Vòng bi(bearing)		NU319ECM	SKF Group		Vòng	4			
65	50006306	Vòng bi(bearing)		6306-2Z	SKF Group		Vòng	7			
66	50023072	Vòng bi(bearing)		23072CCK/W33	SKF Group		Vòng	2			
67	50122320	Vòng bi(bearing)		22320E	SKF Group		Vòng	3			
68	50136302	Vòng bi(bearing)		6302- 2Z	SKF Group		Vòng	22			
69	59690578	Vòng bi(bearing)		NUP 2310 ECP	SKF Group		Vòng	4			
70	59590046	Vòng bi(bearing)		NCF2948CV	SKF Group		Vòng	2			
71	50116310	Vòng bi(bearing)		6310	SKF Group		Vòng	5			
72	50120608	Vòng bi(bearing)		608-2Z	SKF Group		Vòng	24			
73	50396478	Vòng bi(bearing)		23034CC/W33	SKF Group		Vòng	12			
74	50016213	Vòng bi(bearing)		6213N	SKF Group		Vòng	2			
75	50106316	Vòng bi(bearing)		6316	SKF Group		Vòng	2			
76	50396500	Vòng bi(bearing)		6326/C3	SKF Group		Vòng	2			
77	50117307	Vòng bi(bearing)		7307BECBM	SKF Group		Vòng	7			
78	50166305	Vòng		6305	SKF Group		Vòng	2			

		bi(bearing)									
79	50396526	Vòng bi(bearing)		NU 219 ECJ/C3	SKF Group		Vòng	2			
80	50101240	Vòng bi(bearing)		NU 240 ECML/C3	SKF Group		Vòng	2			
81	50106211	Vòng bi(bearing)		6211-2Z	SKF Group		Vòng	7			
82	50396508	Vòng bi(bearing)		294/750EF	SKF Group		Vòng	2			
83	50106208	Vòng bi(bearing)		6208-2Z	Schaeffler Group (FAG)		Vòng	101			
84	50396537	Vòng bi(bearing)		6204-2Z	SKF Group		Vòng	112			
85	50000222	Vòng bi(bearing)		NU 222 ECJ/C3	SKF Group		Vòng	5			
86	50106006	Vòng bi(bearing)		6006-2Z	SKF Group		Vòng	3			
87	50106045	Vòng bi(bearing)		6405/C3	SKF Group		Vòng	16			
88	59590393	Vòng bi(bearing)		22326 CC/W33	SKF Group		Vòng	4			
89	50106311	Vòng bi(bearing)		6311-2Z	SKF Group		Vòng	39			
90	50106322	Vòng bi(bearing)		6322/C3	SKF Group		Vòng	13			
91	50107322	Vòng bi(bearing)		7322 BECBM	SKF Group		Vòng	2			
92	50126311	Vòng bi(bearing)		6311-2Z/C3	SKF Group		Vòng	9			
93	50106308	Vòng bi(bearing)		6308-2Z	SKF Group		Vòng	18			
94	50122310	Vòng bi(bearing)		22310E	SKF Group		Vòng	2			
95	50122324	Vòng bi(bearing)		22324 CC/C3W33	SKF Group		Vòng	2			
96	50136202	Vòng bi(bearing)		6202-2Z/C3	SKF Group		Vòng	66			
97	50396510	Vòng		23276CAK/W33+H3276	SKF Group		Vòng	4			

		bi(bearing)										
98	50006307	Vòng bi(bearing)		6307-2Z	SKF Group		Vòng	7				
99	50106205	Vòng bi(bearing)		6205-2Z/C3	SKF Group		Vòng	110				
100	50396516	Vòng bi(bearing)		6330	SKF Group		Vòng	2				
101	50022314	Vòng bi(bearing)		22314E	SKF Group		Vòng	4				
102	50106201	Vòng bi(bearing)		6201-2Z	SKF Group		Vòng	22				
103	5022319	Vòng bi(bearing)		22319E/C3	SKF Group		Vòng	2				
104	50322232	Vòng bi(bearing)		22232 CC/W33	SKF Group		Vòng	4				
105	50006208	Vòng bi(bearing)		6208-2Z	SKF Group		Vòng	16				
106	50106321	Vòng bi(bearing)		6321/C3	SKF Group		Vòng	2				
107	50106235	Vòng bi(bearing)		6206-2Z	SKF Group		Vòng	10				
108	50396523	Vòng bi(bearing)		22224 E/C3	SKF Group		Vòng	30				
109	50100350	Vòng bi(bearing)		6307-2Z/C3	SKF Group		Vòng	6				
110	50101080	Vòng bi(bearing)		QJ1080N2MA	SKF Group		Vòng	1				
111	50236312	Vòng bi(bearing)		6312-2Z/C3	SKF Group		Vòng	31				
112	50106317	Vòng bi(bearing)		6317-2Z/C3	SKF Group		Vòng	1				
113	50116204	Vòng bi(bearing)		6204-2Z/C3	SKF Group		Vòng	2				
114	50110322	Vòng bi(bearing)		NU322ECM/C3	SKF Group		Vòng	9				
115	50126309	Vòng bi(bearing)		6309-2Z	SKF Group		Vòng	69				
116	50226009	Vòng		6009-2Z	SKF Group		Vòng	8				

		bi(bearing)									
117	50396316	Vòng bi(bearing)		6316-2Z/C3	SKF Group		Vòng	6			
118	50100224	Vòng bi(bearing)		NU 224 ECJ/C3	SKF Group		Vòng	3			
119	50396228	Vòng bi(bearing)		22228CCK/W33	SKF Group		Vòng	5			
120	50136303	Vòng bi(bearing)		6303-2RSH/C3	SKF Group		Vòng	20			
121	50100232	Vòng bi(bearing)		NU 232 ECML/C3	SKF Group		Vòng	2			
122	50120234	Vòng bi(bearing)		NU 234 ECML/C3	SKF Group		Vòng	2			
123	50396319	Vòng bi(bearing)		6319-2Z/C3	SKF Group		Vòng	4			
124	53284858	Xích chuyên động máy thổi bụi	1 bộ 54 mắt xích	PHC 50-1X5MTR	SKF Group		Bộ	8			
125	53284918	Xích con lăn		PHC 160-2X10FT	SKF Group		Mét	12			
126	53284861	Xích truyền động máy thổi bụi	1 bộ 61 mắt xích	PHC 50-1X5MTR	SKF Group		Bộ	8			